| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G THÀNH PHỐ H** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 696/2018/DS-ST;
Ngày: 14/9/2018.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ H**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Vân.
2/ Ông Lê Văn Phú.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Thịnh, cán bộ Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận G, Thành phố H tham gia phiên tòa:*** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm: 1956.

Thường trú: 56A đường 32, Phường 12, Quận Y, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: 391/16/7D đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 5, phường Tân Thuận Đông, Quận T, Thành phố H.

(Có mặt tại phiên tòa).

*2. Bị đơn:* **Công ty TNHH Y K.**

Địa chỉ: 25 đường N, Khu phố 5, phường H, Quận G, Thành phố H..

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông **Trần Quốc D**, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: 25 đường N, Khu phố 5, phường H, Quận G, Thành phố H..
(Có mặt tại phiên tòa).

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1964.
Địa chỉ: 25 đường N, Khu phố 5, phường H, Quận G, Thành phố H..
(Vắng mặt tại phiên tòa).

2/ Ông **Nguyễn Thành C**, sinh năm: 1953.
Địa chỉ: 56A đường 32, Phường 12, Quận Y, Thành phố H.
(Có đơn xin vắng mặt).

3/ Ông **Trần Quốc D**, sinh năm: 1958.
Địa chỉ: 25 đường N, Khu phố 5, phường H, Quận G, Thành phố H..
(Có mặt tại phiên tòa).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 17/12/2017, bản tự khai ngày 30/3/2018, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Ngày 26/7/2011 Công ty TNHH Y K (sau đây gọi tắt là Công ty H) do ông Trần Quốc D, chức vụ Giám đốc cùng bà Nguyễn Thị L là vợ của ông Dcó vay của bà Thân lần thứ nhất 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lần thứ hai vào ngày 07/8/2011 là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng, lần thứ ba vào ngày 20/8/2011 vợ chồng ông Dlại vay thêm của bà số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Tổng cộng cả ba lần vay là 1.950.000.000 (một tỷ, chín trăm năm mươi triệu) đồng. Mục đích vay tiền của ông Dvà bà L là để đầu tư vào Công ty H đang kinh doanh khám chữa bệnh và giữa hai bên cũng có tự nguyện thỏa thuận lãi suất 3% trên một tháng, thời hạn vay là 24 tháng. Sau ngày vay tiền, ông Dđóng lãi đầy đủ đến tháng 11/2014 và từ đó đến nay không tiếp tục đóng lãi nữa, đến hạn trả nợ gốc ông Dũng, bà L cũng không trả tiền nợ gốc cho bà.

Vì vậy, căn cứ theo thỏa thuận trong hợp đồng khế ước thời gian trả nợ, thì phải thông báo trước 30 ngày nên vừa qua sau nhiều lần bà Thân đến gặp ông Dũng, bà L để thông báo về việc yêu cầu trả nợ cho bà nhưng ông Dũng, bà L không có thiện chí trả nợ nên bằng hình thức thông báo bằng văn bản yêu cầu trả nợ qua đường bưu điện chuyển phát nhanh có bảo đảm và giấy báo khứ hồi nhận văn bản vào các ngày 10/10/2017 và giấy báo ngày 02/12/2017. Ông Dvà bà L đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà và không còn cách nào khác bà khởi kiện Công ty H yêu cầu ông Dvà bà L phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền 1.950.000.000 (một tỷ, chín trăm năm mươi triệu) đồng.

Tại đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ngày 18/5/2018 của bà Huỳnh Thị T có trình bày nội dung sau:

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 17/12/2017 bà yêu cầu Công ty H do ông Trần Quốc D làm Giám đốc và bà Nguyễn Thị L là vợ của ông Dphải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.950.000.000 (một tỷ, chín trăm năm mươi triệu) đồng. Nhưng nay bà tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của mình, chỉ yêu cầu Công ty H phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Không yêu cầu trả lãi.

*Tại bản tự khai ngày 16/5/2018 và bản tự khai ngày 26/7/2011 ông Trần Quốc D là đại diện theo pháp luật của Công ty H trình bày:

Nguyên ông có vay của bà Huỳnh Thị T số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng theo hai khế ước vay tiền:

Khế ước thứ nhất lập ngày 26/7/2011 với số tiền là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Khế ước thứ hai lập ngày 07/8/2011 (tức là sau khế ước thứ nhất 11 ngày) với số tiền là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Tuy nhiên để thuận lợi cho việc đóng lãi 3%/tháng đến ngày 30/8/2011, ông và bà Thân thống nhất lập một khế ước mới gộp cả hai khoản vay nói trên thành một khế ước duy nhất (có cộng thêm 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng nên thành số tiền vay là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng). Trong đó cả hai bên đều xác nhận nội dung: tính đến thời điểm hiện tại tức ngày 30/8/2011 thì đây là khế ước duy nhất lập giữa bên A và bên B, mọi khế ước cũ là vô hiệu và hoàn toàn không có giá trị pháp lý. Do đó kết L, theo khế ước lập ngày 30/8/2011 ông xác nhận khoản vay ghi trong đó là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng là vay của bà Thân.

Trong quá trình giao dịch đóng lãi và đóng gốc ông có chuyển khoản trả cho bà Thân số tiền là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng tiền gốc. Thời điểm đó vào khoảng năm 2014 tại Ngân hàng Vietbank nằm trên đường Lê Văn Khương, Quận G, Thành phố H do cô kế toán Huỳnh Ngọc Hảo đảm nhận việc đi chuyển khoản cho bà Thân. Thật không may là cô Hảo đã nghỉ việc từ lâu, các chứng từ cũng thất lạc nên ông đang tiến hành tìm lại chứng từ Vietbank và liên hệ với cô Hảo chưa được. Đề nghị Tòa án xem xét cho ông  30 ngày kể từ ngày 16/5/2018 để ông hoàn thành tìm kiếm chứng cứ đã trả được 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng cho bà Thân và gặp nhau giải quyết.

Việc bà Thân cho Công ty H mượn tiền để phát triển kinh doanh là một nghĩa cử cao đẹp và ông trân trọng điều này.

Việc chậm thanh toán cho bà Thân tiền nợ gốc là chuyện bất đắc dĩ vì vợ chồng ông có gặp một số khó khăn khách quan.

Ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị L cam kết sẽ cùng bà Thân giải quyết vụ việc này sớm nhất.

*Tại bản tự khai ngày 06/4/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Nguyễn Thành C khai nội dung sau:

Nguyên theo đơn khởi kiện vợ ông là bà Huỳnh Thị T khởi kiện Công ty H do ông Trần Quốc D làm Giám đốc, cho nên Tòa án đưa ông vào làm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vì vậy ông viết bản tự khai này xác nhận ông hoàn toàn không có liên quan gì trong vụ án nêu trên vì đây là tài sản riêng của cá nhân vợ ông, nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như tại các phiên tòa làm việc trước đây.

Đại diện bị đơn là ông Trần Quốc D trình bày rằng ông đồng ý trả cho bà Thân số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Nhưng nếu sau này trong quá trình thi hành án ông kiếm được chứng từ chứng minh việc ông đã trả cho bà Thân số tiền 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng thì bà Thân phải cấn trừ số tiền này vào số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng mà ông công nhận nợ ở trên cho ông.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh L tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa hai bên theo khế ước vay tiền ngày 30/8/2011. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn hiện đang cư trú tại Quận G, Thành phố H.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố H.

2/ Về thủ tục:

Đối với các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử và vắng mặt không lý do tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt.

3/ Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở để xác định:

Theo tờ Khế ước vay tiền ngày 30/8/2011 thì bên A (bên cho vay) là bà Huỳnh Thị T và bên B (bên vay) là Công ty TNHH Y K do ông Trần Quốc D

làm Giám đốc và bà Nguyễn Thị L là vợ của ông Trần Quốc D cùng ký tên. Theo đó bên A cho bên B vay số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Lãi suất là 3%/tháng, thời hạn cho vay: không thời hạn.

Tại tờ Khế ước vay tiền này có một phần nội dung ghi như sau: Tính đến thời điểm hiện tại thì đây là khế ước mang tính pháp lý duy nhất được lập giữa bên A và bên B, mọi khế ước cũ là vô hiệu và hoàn toàn không có giá trị pháp lý. Nên trước đó tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2017 bà Huỳnh Thị T khởi kiện yêu cầu Công ty H và bà Nguyễn Thị L  phải trả cho bà Thân số tiền là 1.950.000.000 (một tỷ, chín trăm năm mươi triệu) đồng, nay bà Thân xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty H và vợ chồng ông Trần Quốc D, bà Nguyễn Thị L trả cho bà số tiền nợ gốc 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại các buổi Tòa án làm việc, ông Trần Quốc D là đại diện theo pháp luật của Công ty H cũng đồng ý rằng vợ chồng ông có vay của bà Huỳnh Thị T số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng theo như bản Khế ước vay tiền ngày 30/8/2011 các bên đã ký.

Tuy nhiên, ông không đồng ý với số nợ mà bà Thân đòi ông 1.000.000.000 (một tỷ) đồng bởi ông cho rằng ông và vợ ông đã trả cho bà Thân được 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng. Việc trả nợ này ông giao cho kế toán của Công ty H là bà Huỳnh Ngọc Hảo đi gửi qua Ngân hàng Vietbank để trả tiền cho bà Thân giúp ông. Nhưng hiện nay bà Hảo đã nghỉ việc từ lâu, ông không kiếm được chứng từ nên chưa có chứng cứ giao nộp cho Tòa án. Ông đã xin Tòa án cho ông thời gian để thu thập chứng cứ. Và Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho ông thời gian đi thu thập chứng cứ nhưng cho đến nay ông vẫn không nộp được chứng cứ chứng minh cho việc mình đã trả số tiền 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng cho bà Thân.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã hỏi ông có nhớ gửi trả bà Thân trong khoảng thời gian nào và gửi trả bằng qua chứng minh nhân dân hay tài khoản, có biết bà Hảo gửi bằng cách nào không? Tuy nhiên ông trình bày chỉ nhớ mang máng không rõ ràng, vì ông chưa kiếm được bà Hảo. Ông không biết bà Hảo chuyển trả tiền cho bà Thân bằng chứng minh nhân dân của bà Hảo hay bằng tài khoản của bà Hảo hoặc bằng tài khoản của Công ty H. Tòa án cũng xét hỏi về việc bà Thân có nhận được số tiền mà ông D trình bày trên không thì đại diện ủy quyền của bà Thân cho rằng bà Thân chưa nhận được bất kỳ số tiền nào từ ông Dũng. Ông Dcho rằng đã trả bà số tiền này thì phải có chứng cứ giao nộp cho Tòa án. Đại diện ủy quyền của bà Thân cho rằng bà Thân không có bất kỳ số tài khoản nào của Ngân hàng Vietbank cả.

Do ông Dũng, bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc mình đã trả cho bà Thân số tiền 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng

nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của ông Dũng. Vì vậy xác định Công ty H do ông Trần Quốc D làm Giám đốc và bà Nguyễn Thị L là vợ ông Dcòn nợ số tiền gốc của bà Huỳnh Thị T là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Do bà Thân không yêu cầu Tòa án tính lãi buộc Công ty H, ông Trần Quốc D và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Theo bản tự khai của ông Nguyễn Thành C là chồng của bà Huỳnh Thị T trình bày rằng, số tiền mà bà Thân cho Công ty H và vợ chồng ông Dvay là tiền riêng của bà Thân, không liên quan đến ông. Tại phiên tòa đại diện ủy quyền cho bà Thân cũng khẳng định đây là tài sản riêng của bà Thân không liên quan đến ông Cung. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định số tiền mà bà Thân cho Công ty H và bà Nguyễn Thị L vay là tài sản riêng của bà Thân.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng làm rõ việc chính là ai vay tiền của bà Thân thì ông Dtrình bày rằng người vay tiền của bà Thân là Công ty H, cá nhân ông Trần Quốc D và bà Nguyễn Thị L cùng vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc Công ty H, ông Trần Quốc D, bà Nguyễn Thị L cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên cho bà Huỳnh Thị T. Theo như bản Khế ước vay tài sản thì bà Thân cho Công ty H, ông Trần Quốc D, bà Nguyễn Thị L vay tiền không thời hạn. Tài liệu tại hồ sơ thể hiện nguyên đơn đã có thông báo đòi nợ gửi Công ty H, ông Trần Quốc D, bà Nguyễn Thị L nên đã đủ điều kiện kiện đòi tài sản vay theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về việc thực hiện Hợp đồng vay không kỳ hạn.

Xét thấy cần buộc Công ty H, ông Trần Quốc D, bà Nguyễn Thị L phải liên đới trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền nợ đã vay là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

3/ Về án phí:

Công ty H, ông Trần Quốc D, bà Nguyễn Thị L phải liên đới chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện cho bà Huỳnh Thị T.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 469, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc Công ty TNHH Y K, ông Trần Quốc D, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị T toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay tại Khế ước vay nợ ngày là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền do các bên tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Y K, ông Trần Quốc D, bà Nguyễn Thị L chưa giao trả hết số tiền nêu trên, thì Công ty TNHH Y K, ông Trần Quốc D, bà Nguyễn Thị L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH Y K, ông Trần Quốc D, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện là 35.250.000 (ba mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0035344 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố H.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- TANDTPH;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận G;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận G;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thu Hương**